

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 12 - 2022.
V/v ly hôn giữa chị Nh và anh Th.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Ứng.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị Nh - Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Xóm 7 xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Phạm Văn Th - Sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Xóm 7 xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị Nh, vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 01/7/2022 cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Lê Thị Nh trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn Th vào tháng 05/2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi được cấp đăng kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh.

Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt vợ chồng và anh Th có biểu hiện không chung thủy và thường xuyên chơi bời không quan tâm đến gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù chị và gia đình hai bên khuyên giải nhưng anh Th không thay đổi từ đó tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, do không thể hàn gắn vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020, trong thời gian vợ chồng ly thân anh Th không quan tâm đến chị và các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Th. Về con chung chị xác định vợ chồng có 03 con chung cháu Phạm Long V, sinh ngày 11/9/2006; cháu Phạm Thanh V, sinh ngày 02/9/2011 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 09/6/2018. Kể từ khi vợ chồng ly thân cả ba con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không quan tâm gì, vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh Th phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản chung chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Phạm Văn Th mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Th cố tình không nhận và không cho gia đình (mẹ đẻ anh Th là bà Đinh Thị R) nhận thay. Vì vậy Tòa án huyện cùng với chính quyền xã N đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn Th. Về con chung giao cháu Phạm Long V, sinh ngày 11/9/2006, cháu Phạm Thanh V, sinh ngày 02/9/2011 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 09/6/2018 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh; Về tài sản chung chị Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chi Nh phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Anh Phạm Văn Th và chị Lê Thị Nh đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, nay chị Nh có đơn xin ly hôn anh Th. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Anh Phạm Văn Th đã được tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập phiên toà hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Th vắng mặt và là lần vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn Th vào tháng 05/2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt và anh Th không chịu làm ăn không quan tâm đến vợ con. Chị Nh và mọi người trong gia đình khuyên giải nhưng anh Th vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi chửi nhau, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không quan tâm đến nhau. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh Th đã biết nhưng cố tình không hợp tác giải quyết vụ án Tòa án và chính quyền xã N đã phải niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Th. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn Th ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay chị Nh xin ly hôn anh Th xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Nh xác định giữa chị và anh Th có ba con chung là cháu Phạm Long V, sinh ngày 11/9/2006, cháu Phạm Thanh V, sinh ngày 02/9/2011 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 09/6/2018. Kể từ khi vợ chồng ly thân các con chung do chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không quan tâm gì. Nay vợ

chồng ly hôn chị Nh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh Th phải đóng góp cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Th cố tình vắng mặt không hợp tác lên không có quan điểm gì về việc nuôi con chung của vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy: Quan điểm nuôi con chung của chị Nh là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội bản thân chị Nh đang đi làm công ty có thu nhập ổn định và các con chung đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị Nh phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Nh và anh Phạm Văn Th.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Phạm Long V, sinh ngày 11/9/2006, cháu Phạm Thanh V, sinh ngày 02/9/2011 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 09/6/2018 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị Nh phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo biên lai số 0000748 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, chị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương